

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147 /2023/DS-ST

Ngày: 01-12-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 417/2022/TLST-DS ngày 18/10/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXXST-DS ngày 26/10/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T2 (N); địa chỉ: Số B – 203 đường Cách mạng tháng tám, Phường D, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh, do ông Trần Ngô Phúc V – Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T và ông Đặng D K’ H và ông Võ Ngọc H1 – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: Lầu F, Số A – 11A – 13 đường A, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số: 627/2023/UQ-AMC ngày 24/8/2023)

- Bị đơn: Ông Đào Bá S, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Đặng D K’ H có mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và ông Võ Ngọc H1 vắng mặt; bị đơn ông Đào Bá S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng D K' Hưng trình bày:***

Ngày 24/01/2019, ông Đào Bá S đã ký kết “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV với N – Chi nhánh T3 – P để vay tiền, cụ thể như sau: Theo Giấy nhận nợ số 01/GNN – 0058/2019/925 – CV ngày 25/01/2019 thì số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*); thời hạn vay là 180 tháng, từ ngày 25/01/2019 đến ngày 25/01/2034; lãi suất vay thỏa thuận là 12,0%/năm, lãi suất sẽ do N quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; mục đích vay: Hoàn tiền mua bất động sản phục vụ nhu cầu đời sống.

Để bảo đảm cho việc vay tiền, ông Đào Bá S ký kết “Hợp đồng thế chấp tài sản” số 0048/2019/925 – BD ký ngày 24/01/2019, theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3003, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, cụ thể: Diện tích thế chấp: 1.000 m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất; Chủ sử dụng là ông Đào Bá S, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 062833, số vào sổ cấp GCN: CS 05411, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 14/9/2018.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Đào Bá S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù N đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Đào Bá S trả nợ, nhưng ông S vẫn không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022 thì dư nợ của ông Đào Bá S theo “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019 tạm tính đến ngày 25/7/2022 là 1.568.931.956 đồng, trong đó nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi phát sinh là 574.487.956 đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày xét xử 01/12/2023 thì dư nợ của ông Đào Bá S tăng lên do phát sinh nợ lãi. Vì vậy, N đề nghị giải quyết các vấn đề sau đây:

1. T1 buộc ông Đào Bá S có nghĩa vụ thanh toán cho N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019 tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 1.847.551.998 đồng, trong đó nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi phát sinh là 853.107.998 đồng.

2. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Đào Bá S vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Đào Bá S vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, thì N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả

nợ, N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của ông Đào Bá S đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

4. Ông Đào Bá S có nghĩa vụ phải thanh toán chi phí tố tụng mà N đã tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định.

- *Chứng cứ nguyên đơn N cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 01/8/2022 của N (bản gốc); Hồ sơ tư cách pháp nhân, tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bản sao); Hồ sơ tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm giữa ông Đào Bá S với N (bản sao); Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn số 197/2022/TB-AMC ngày 08/7/2022 của N (bản sao); Thông báo về việc khởi kiện khách hàng số 273/2022/TB-AMC ngày 27/7/2022 của N (bản sao); Bảng chiết tính nợ vay ngày 29/11/2022 (bản sao) và ngày 07/02/2023 của ông Nguyễn Văn T (bản gốc); Bản tự khai ngày 30/11/2022 và ngày 07/02/2023 của ông Nguyễn Văn T (bản gốc); Bản tự khai ngày 01/12/2023 của ông Đăng D K' Hưng (bản gốc).

*** Bị đơn ông Đào Bá S:**

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông S, tuy nhiên ông S không thường xuyên có mặt tại địa chỉ cư trú. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai nhưng phía ông S không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia giải quyết vụ án.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Đăng D K' Hưng có mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và ông Võ Ngọc H1 vắng mặt nhưng theo Giấy ủy quyền số 627/2023/UQ-AMC ngày 24/8/2023 thì trường hợp nếu có người vắng mặt thì người còn lại có đầy đủ quyền đại diện và ý kiến của người này cũng là ý kiến của người kia; bị đơn ông Đào Bá S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông S theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đăng D K' Hưng có mặt; người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và ông Võ Ngọc H1 vắng mặt nhưng theo Giấy ủy quyền số 627/2023/UQ-AMC ngày 24/8/2023 thì trường hợp nếu có người vắng mặt thì người còn lại có đầy đủ quyền đại diện và ý kiến của người này cũng là ý kiến của người kia nên việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn T và ông Võ Ngọc H2 được chấp nhận; bị đơn ông S đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông K xác định yêu cầu khởi kiện của N:

- Buộc ông Đào Bá S có nghĩa vụ thanh toán cho N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019 tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 1.847.551.998 đồng, trong đó nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi phát sinh là 853.107.998 đồng.

- Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Đào Bá S vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Đào Bá S vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng thì N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ theo đúng quy định. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của ông Đào Bá S đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Ông Đào Bá S có nghĩa vụ phải thanh toán chi phí tố tụng mà N đã tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định.

Xét thấy, bị đơn ông sang có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông K có mặt, bị đơn ông S vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc ông Đào Bá S có nghĩa vụ thanh toán cho N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019 tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 1.847.551.998 đồng, trong đó nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi phát sinh là 853.107.998 đồng. N có cung cấp chứng cứ kèm theo gồm: Giấy chứng minh nhân dân, sổ Hộ khẩu, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông S; Giấy nhận nợ số 01/GNN-0058/2019/925-CV ngày 25/01/2019 và Phụ lục C1 – Lịch trả nợ có chữ ký xác tên ông S.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông S tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông S vắng mặt không có lý do; đồng thời ông S

cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình. Theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định ông S đã thanh toán số tiền nợ vay nói trên cho N nên ông S đã vi phạm thỏa thuận tại các Điều 4, 6, 9 của “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019. Do đó, ông S phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 1.847.551.998 đồng, trong đó nợ gốc là 994.444.000 đồng, nợ lãi phát sinh là 853.107.998 đồng theo quy định.

[3.2] Đối với yêu cầu phải chịu lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi thì theo quy định tại Điều 9 của “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019, thì ông S vẫn phải chịu tiền lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi sau ngày 01/12/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Do đó, ông S phải tiếp tục chịu tiền lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông S phải trả là phù hợp với Điều 9 quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thu hồi nợ, để bảo đảm cho việc vay tiền, ông S và N ký kết “Hợp đồng thế chấp tài sản” số 0048/2019/925 – BĐ ký ngày 24/01/2019, theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3003, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 062833, số vào sổ cấp GCN: CS 05411, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 14/9/2018, đứng tên chủ sử dụng đất là ông Đào Bá S theo thông tin thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/01/2019.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2023/QĐ-UTTA ngày 27/02/2023 và Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã có kết quả thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ theo Công văn số 370//CV-TA ngày 28/8/2023, xác định đúng tài sản thế chấp như hợp đồng đã ký kết.

Theo quy định tại Điều 5 của “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019 và “Hợp đồng thế chấp tài sản” số 0048/2019/925-BĐ ký ngày 24/01/2019 thì sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông S vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, thì N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Chi phí tố tụng: Chi phí Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ là 5.000.000 đồng, ông S phải chịu theo quy định. Do N đã nộp tạm ứng nên buộc ông S phải nộp để hoàn trả lại cho N.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần T2 (N) đối với ông Đào Bá S.

1.1. Buộc ông Đào Bá S có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T2 (N) tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/12/2023 là 1.847.551.998 đồng (*một tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 994.444.000 đồng (*chín trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), nợ lãi phát sinh là 853.107.998 đồng (*tám trăm năm mươi ba triệu một trăm linh bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng*) theo “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019.

1.2. Kể từ sau ngày 01/12/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vay, ông Đào Bá S vẫn phải chịu tiền lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi sau ngày 01/12/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận của “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019.

1.3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Đào Bá S vẫn không trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần T2 (N) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện thủ tục thi hành án để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận tại “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần” số 0058/2019/925-CV ký kết ngày 24/01/2019 và “Hợp đồng thế chấp tài sản” số 0048/2019/925 – BĐ ký ngày 24/01/2019.

1.4. Trường hợp ông Đào Bá S thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo quy định thì Ngân hàng thương mại cổ phần T2 (N) phải hoàn trả

lại cho ông Đào Bá S bản gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 062833, số vào sổ cấp GCN: CS 05411, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 14/9/2018, đứng tên chủ sử dụng đất là ông Đào Bá S theo thông tin thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/01/2019.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), ông S phải chịu theo quy định. Do N đã nộp tạm ứng nên buộc ông S phải nộp để hoàn trả lại cho N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Đào Bá S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 67.426.559 đồng (*sáu mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi chín đồng*).

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T2 (N) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 29.533.979 đồng (*hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0011021 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

4. Quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 01/12/2023).

4.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng